

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Mỹ Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Mỹ Quang tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 22/7/2021;*

*Xét nội dung báo cáo ĐTM Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 15/2021/CV-MQ ngày 20/8/2021 của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Mỹ Quang;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 745/TTr-STNMT ngày 07/9/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần

Vật liệu xây dựng Mỹ Quang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại trụ sở UBND xã Phước Lộc theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 05/6/2014 và Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh hết hiệu lực thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Lộc;
- Chủ dự án;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA**  
**DỰ ÁN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG**  
**THƯỜNG THƯỜNG TẠI NÚI SON TRIỀU, XÃ PHƯỚC LỘC,**  
**HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỸ QUANG**  
(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày            /            /2021 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Mỹ Quang.

1.3. Địa chỉ liên hệ: Tầng 01, tòa nhà Pisico, số 99 đường Tây Sơn, phường Ghèn Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 02566288886.

1.4. Quy mô, công suất khai thác:

- Diện tích dự án: 9,78 ha (bao gồm: diện tích khai thác 8,0 ha và diện tích sân công nghiệp 1,78 ha).

- Thời gian khai thác: 8,0 năm.

- Thời gian hoạt động khai thác và chế biến: 8 giờ /ngày (từ 7 giờ 00 phút – 11 giờ 30 phút và từ 13 giờ 30 phút – 17 giờ 00 phút).

- Công suất dự án:

+ Công suất khai thác: 128.814 m<sup>3</sup> đá địa chất/năm (tương đương 190.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm) và từ 11.465 đến 27.458 m<sup>3</sup> đất bóc địa chất/năm (tùy thuộc vào diện tích, thời gian khai thác từng năm).

+ Công suất chế biến: 162.545 m<sup>3</sup>/năm đá làm vật liệu xây dựng thông thường các loại (đá các loại: 4 x 6; 2 x 4; 1 x 2; 0,5 x 1).

1.5. Phương pháp khai thác và chế biến:

- Phương pháp khai thác: Diện tích khai thác chia thành 02 lô, sau khi kết thúc khai thác lô 1 (diện tích 2,6 ha) tại phía Bắc dự án sẽ tiến hành phục hồi môi trường và đồng thời mở moong khai thác đầu tiên tại cos +80 m thuộc lô 2 (diện tích 5,4 ha) tại phía Nam dự án. Áp dụng hệ thống khai thác theo lớp bằng theo hướng từ trên xuống, với chiều cao tầng khai thác là 10 m; cos kết thúc khai thác +35 m. Sử dụng công nghệ khoan nổ mìn, kết hợp xúc bốc và vận chuyển.

- Phương pháp chế biến: Đá nguyên khai sau nổ mìn đào xúc bốc lên ô tô vận chuyển từ gương tầng khai thác → trạm nghiền sàng → sản phẩm đá làm vật liệu xây dựng thông thường các loại (đá các loại: 4 x 6; 2 x 4; 1 x 2; 0,5 x 1).

1.6. Hạng mục, công trình của dự án:

- Hạng mục công trình chính: 01 trạm nghiền sàng công suất 250 tấn/giờ bố trí tại khu vực sân công nghiệp (đã hoàn thành).

- Hạng mục công trình phụ trợ: tuyến đường tạm trong mỏ, nhà điều hành, khu phụ tùng vật tư, trạm biến áp (đã hoàn thành).

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

+ Nhà vệ sinh có hầm tự hoại (đã hoàn thành);

+ Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại; chất thải rắn sinh hoạt (đã hoàn thành).

+ 04 hồ giảm tốc, 01 hồ lắng thứ cấp phía Đông, 01 hồ lắng phía Đông Bắc sân công nghiệp và 01 hồ lắng phía Đông dự án.

+ 01 bãi thải chứa đá bụi trong quá trình xay nghiền; 03 bãi chứa đất tầng phủ phục hồi môi trường.

## **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác đá.**

### *2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:*

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, xay nghiền và vận chuyển đá, đất bốc lên nơi tiêu thụ; bụi, tiếng ồn, đá bay từ hoạt động nổ mìn; nước mưa chảy tràn (lẫn bùn, đất).

- Các tác động không liên quan đến chất thải: quá trình khai thác gây nguy cơ sạt lở, mất an toàn lao động.

### *2.2. Quy mô, tính chất nước thải:*

a) Nước thải sinh hoạt: phát sinh khoảng 2,72 m<sup>3</sup>/ngày có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

b) Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất: phát sinh khoảng 17.736,4 m<sup>3</sup>/ngày (tính cho lưu lượng ngày mưa lớn nhất).

### *2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:*

- Bụi thải phát sinh trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ.

- Khí thải phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển sản phẩm và quá trình đốt cháy nhiên liệu các động cơ của các thiết bị khai thác, phương tiện vận chuyển.

### *2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt (giấy, thức ăn thừa, vỏ trái cây, bao bì nhựa, vỏ cơm hộp, ...) phát sinh khoảng 20,4 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

- Chất thải rắn sản xuất: đá bụi phát sinh trong quá trình xay nghiền khoảng 5.700 m<sup>3</sup>/năm.

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Các loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên tại khu vực dự án:

+ Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã số CTNH: 18 02 01): Khối lượng phát sinh khoảng 100 kg/năm.

+ Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã số 16 01 06): Khối lượng phát sinh khoảng 10 kg/năm.

+ Bình ắc quy hỏng thải (Mã số 19 06 01): Khối lượng phát sinh khoảng 20 kg/năm.

+ Dầu nhớt thải bỏ khi sửa chữa xe (Mã CTNH: 17 06 01): Khối lượng phát sinh khoảng 224 kg/năm.

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà vệ sinh có hầm tự hoại để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

b) Đối với nước thải (nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, đá) từ hoạt động khai thác, sản công nghiệp:

- Hệ thống thu gom: Đào các mương hở (gia cố đảm bảo, hạn chế sạt lở kết hợp công bê tông tại các đoạn giao với đường giao thông) để dẫn nước mưa chảy tràn từ khu vực khai thác, sản công nghiệp về các hồ lắng (đã hoàn thành một số đoạn mương thu gom phía Đông Bắc dự án và hệ thống mương từ sau các hồ lắng ra nguồn tiếp nhận).

- Các hồ lắng:

+ Hồ lắng phía Đông Bắc sản công nghiệp, tọa độ: 1532468, 594.691, thể tích khoảng 2.790 m<sup>3</sup>, kích thước: Dài 45m x Rộng 31m x Sâu 2m; bờ bao xung quanh hồ lắng được gia cố đảm bảo, hạn chế sạt lở (đã hoàn thành và định kỳ trước mùa mưa thực hiện nạo vét, gia cố đảm bảo).

+ Hồ lắng Đông dự án, tọa độ: 1.532.326, 587.406, thể tích khoảng 300 m<sup>3</sup>, kích thước: Dài 15m x Rộng 10m x Sâu 2,0m; bờ bao xung quanh hồ lắng được gia cố đảm bảo, hạn chế sạt lở (đã hoàn thành và định kỳ trước mùa mưa thực hiện nạo vét, gia cố đảm bảo).

- Quy trình thu gom:

+ Nước mưa chảy tràn sườn tại khu vực khai thác → mương đào hở (có bổ sung 03 hố giảm tốc và 01 hồ lắng thứ cấp tại phía hạ lưu) → hồ lắng phía Đông Bắc sản công nghiệp → hố giảm tốc → mương đào hở → thoát ra môi trường.

+ Nước mưa chảy tràn khu vực sản công nghiệp → mương đào hở → hồ lắng phía Đông dự án → mương đào hở → thoát ra môi trường.

Nước thải sau xử lý tại các hồ lắng phải đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, giá trị C, cột B với  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$ .

### 3.2. Về giảm thiểu bụi, ồn:

- Tại khu vực khai thác:

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc.

+ Trồng bổ sung và giữ lại dải cây xanh phía Đông khai trường rộng khoảng 20 m (đoạn giáp với diện tích rừng trồng của dân); đồng thời, tiến hành khai thác phần diện tích giáp đất trồng rừng sản xuất ở phía Đông vào năm cuối nhằm hạn chế tác động bụi.

- Tại khu vực chế biến:

+ Lắp đặt các hệ thống phun sương tự động, đảm bảo lưu lượng và tiết diện phun sương nhằm giảm thiểu tối đa bụi phát sinh ra môi trường xung quanh (đã hoàn thành).

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân để hạn chế tác động của bụi.

+ Không chế chiều cao các bãi lưu chứa đá sản phẩm (đặc biệt các bãi chứa đá bụi) không quá 3 m so với mặt bằng hiện trạng xung quanh và tăng cường thực hiện việc phun sương để hạn chế bụi phát tán ra khu vực xung quanh.

+ Duy trì dải cây xanh hiện có và trồng thêm dải cây xanh phía Đông sân công nghiệp nhằm giảm thiểu bụi phát sinh ảnh hưởng đến đường giao thông và các hộ dân.

- Xe vận chuyển được che phủ kín bằng bạt, không để đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển; sử dụng xe chuyên dụng thường xuyên tưới nước trên toàn tuyến đường từ dự án đến Quốc lộ 1A để giảm thiểu bụi hiệu quả. Phối hợp với chính quyền địa phương định kỳ cải tạo, nâng cấp và vệ sinh đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển; trồng bổ sung cây xanh dọc 02 bên tuyến đường để giảm thiểu phát tán bụi đến các khu dân cư lân cận.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường

a) Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Bố trí các thiết bị thu gom và hợp đồng với Ban quản lý nước sạch và vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước để thu gom, xử lý theo quy định.

b) Chất thải rắn sản xuất thông thường

Đá bụi phát sinh trong quá trình xay nghiền: bố trí khu vực lưu chứa đá bụi tại sân công nghiệp, diện tích 520 m<sup>2</sup>, chiều cao lưu chứa tối đa là 3 m, có bờ bao xung quanh để gia cố.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: xây dựng khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 9 m<sup>2</sup> gần xưởng cơ khí mặt sàn chống thấm, có mái che, có cửa,..., bên trong có trang bị

các thiết bị lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

### 3.5. Công trình lưu chứa đất bốc tăng phủ để phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường

Căn cứ vào khối lượng và tiến độ cải tạo phục hồi môi trường, quy hoạch các bãi thải có kè chắn đảm bảo để chứa lượng đất bốc tăng phủ phục vụ công tác phục hồi môi trường với tiến độ như sau:

- Năm 2022: Xây dựng 01 bãi lưu chứa đất bốc tăng phủ tại phía Nam lô 1, (tọa độ: 1.532.281, 594.460) với diện tích khoảng 7.000 m<sup>2</sup>, cao 3 m; xung quanh được kè chắn đảm bảo, kích thước kè 340m x 0,5m x 1,0m.

- Năm 2027: Xây dựng 01 bãi lưu chứa đất bốc tăng phủ tại phía Tây sân công nghiệp, (tọa độ: 1.532.335, 594.581) với diện tích 5.800 m<sup>2</sup>, cao 3 m; xung quanh được kè chắn đảm bảo, kích thước kè 316m x 0,5m x 1,0m.

- Năm 2028: Xây dựng 01 bãi lưu chứa đất bốc tăng phủ tại phía Đông Nam khai trường, (tọa độ: 1532022, 594504) với diện tích 7.930 m<sup>2</sup>, cao 3m, xung quanh được kè chắn đảm bảo, kích thước kè 358,6m x 0,5m x 1,0m.

### 3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường (CTPHMT):

a) Thực hiện CTPHMT với nội dung sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng /Đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	Lắp đặt biển báo	8 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi khai thác
2	San gạt mặt bằng diện tích 1,9 ha phía Bắc thuộc lô 1	13.300 m <sup>3</sup>	Đảm bảo địa hình sau kết thúc khai thác bằng phẳng, không tạo hố sâu cục bộ và tạo lớp đất màu có độ dày 0,7 m để tiến hành trồng rừng	Triển khai và hoàn thành khoảng 20 ngày sau khi kết thúc khai thác lô 1 (dự kiến năm 2022)
3	Trồng rừng phục hồi môi trường diện tích phía Bắc thuộc lô 1	1,9 ha	Phủ xanh khu vực khai thác	Thực hiện sau khi kết thúc khai thác lô 1 (dự kiến năm 2022) và hoàn thành việc san gạt hoàn thổ phục hồi môi trường.
4	San gạt mặt bằng diện tích còn lại 6,1 ha; sân công nghiệp và san gạt hệ thống mương thoát nước	569.200 m <sup>3</sup>	Đảm bảo địa hình sau kết thúc khai thác bằng phẳng, không tạo hố sâu cục bộ và tạo lớp đất màu có độ dày 0,7 m để tiến hành trồng rừng	Triển khai và hoàn thành sau 40 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác

5	San lấp hồ lắng và hố giảm tốc	5.018,2 m <sup>3</sup>	Trả lại mặt bằng để trồng rừng	
6	Tháo dỡ kè chắn bãi thải và kè phía Đông dự án	725,8 m <sup>3</sup>	Trả lại hiện trạng để trồng rừng	Triển khai và hoàn thành sau 20 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác (riêng kè phía Đông mở sẽ được tháo dỡ sau 03 năm, kể từ thời điểm trồng rừng để giảm thiểu sa bồi, sạt lở)
7	Tháo dỡ, cạy bẫy đá quá cỡ còn sót lại trên sườn tầng	1.744 m <sup>3</sup>	Đưa các sườn tầng về trạng thái an toàn	
8	Tháo dỡ công	04 cái		
9	Tháo dỡ công trình dân dụng (nhà làm việc, nhà kho, kho chứa CTNH, ...).	217,3 m <sup>2</sup>		
10	Tháo dỡ trạm biến áp, đường dây	01 hệ thống		
11	Trạm xay nghiền đá	01 hệ thống	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 40 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác mỏ
12	Trồng rừng phục hồi môi trường (diện tích khai thác 6,1 ha và sân công nghiệp 1,78 ha)	7,88 ha	Phủ xanh khu vực khai thác và sân công nghiệp	Thực hiện sau khi kết thúc khai thác
13	Đo vẽ bản đồ địa hình	9,78 ha	- Giám sát cos kết thúc khai thác. - Lập bản đồ bản đồ địa hình sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường	Đo vẽ hàng năm và sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **3.768.798.000** đồng (Ba tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 8 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1 (năm 2022), số tiền: 942.198.000 đồng.

+ Các lần còn lại, số tiền: 403.800.000 đồng.

Tuy nhiên, theo Giấy xác nhận số 198/GXN-QBVMT ngày 22/6/2021 của Quỹ Bảo vệ môi trường thì số tiền chủ dự án đã nộp ký quỹ cho dự án đủ đến năm 2021 là 986.729.472 đồng; do vậy, sau khi khấu trừ vào số tiền đã nộp,

Công ty đã ký quỹ đủ lần 1 (năm 2022) là 942.198.000 đồng và số tiền thừa còn lại là 44.531.472 đồng sẽ được khấu trừ tiếp vào năm thứ 2 (năm 2023).

Số tiền ký quỹ và thời gian công ty phải nộp là:

+ Lần thứ 2 (năm 2023): 359.268.528 đồng, thời điểm ký quỹ là trước 31 tháng 01 năm 2023.

+ Các lần còn lại (từ năm thứ 3 đến năm thứ 8), số tiền ký quỹ là: 403.800.000 đồng, thời điểm ký quỹ là trước 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

### 3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

Hệ thống kè chắn phía Đông dự án: kè chắn bằng rọ đá, kích thước (dài 230m; rộng 0,5m; cao 1,5m). Mục đích ngăn nước mưa chảy tràn gây sạt lở, sa bồi ảnh hưởng đến diện tích đất trồng keo của các hộ dân.

### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Nhà vệ sinh có hầm tự hoại.
- Thiết bị thu gom chất thải rắn sinh hoạt.
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.
- Hệ thống mương thoát nước về hồ giảm tốc và hồ lắng.
- 04 hồ giảm tốc.
- 01 hồ lắng thứ cấp phía Đông dự án.
- 02 hồ lắng: phía Đông Bắc sân công nghiệp và phía Đông dự án.
- Kè chắn phía Đông.
- Bãi chứa đá bụi và các bãi lưu chứa đất bóc tầng phủ phục vụ hoàn thổ phục hồi môi trường.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình hoạt động khai thác

a) Giám sát nước thải: 01 điểm tại đầu ra của hồ lắng phía Đông Bắc sân công nghiệp và 01 điểm tại đầu ra tại hồ lắng phía Đông dự án, với các thông số lấy mẫu giám sát là: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng.

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 40:2011/BTNMT, với hệ số  $K_q=0,9$  và  $K_f = 0,9$ .

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

b) Giám sát không khí xung quanh: 01 điểm tại khu vực trạm xay nghiền, 01 điểm tại văn phòng làm việc, 01 điểm tại tuyến đường giao thông phía Đông dự án. Thông số giám sát: Bụi lơ lửng (TSP).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

c) Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại: về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ; giám sát sa bồi thủy phá phía hạ lưu.

d) Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định.